勞資協議同意授權及負擔服務費切結書

Bản cam kết đồng ý uỷ quyền và chi trả phí dịch vụ

本　人　:_____　護　照　號　碼　:_____
與　雇　主
_____ 身 分 證 字 號 :_____ 地 址 :
_____協議同意將以直接聘僱方式來台至雇主家□ 工廠□從事家庭看護工□ 家庭幫傭□養護機構/醫院看護工□工廠工□營造工□工作, 本人及雇主亦同意授權_____代辦申請本人來台工作相關手續既來台工作之後後續相關服務如: 申請或展延聘僱許可, 申請或展延變更居留證,申報或退還台灣所得稅, 定期體檢, 翻譯服務, 接送機場, 護照補發或展延等相關後續服務手續且亦同意依行政院勞工委員會所規定之服務費每月新台幣 **1500** 元計三年契約爲新台幣五萬四千元 **(**每月**1500** 元***36** 個月**)** 此款服務費經本人與雇主協議後係由本人自願全額負擔□ 係由雇主自願全額負擔□, 特立此書予以證明**!**

Tôi tên là: _____, Số hộ chiếu:_____Thoả thuận cùng với chủ sử dụng là: _____Chứng minh thư số:_____, địa chỉ:_____đồng ý áp dụng phương thức tuyển mộ trực tiếp để tôi đến nhà chủ□ Nhà máy □ đảm nhận công việc Chăm sóc người bệnh tại gia đình □ Giúp việc gia đình □ Chăm sóc người bệnh tại Bệnh viện/Trung tâm dưỡng lão□ Công nhân thao tác sản xuất tại nhà máy □ công nhân xây dựng □. Tôi và chủ sử dụng đồng ý uỷ quyền cho Công ty _____làm giúp các thủ tục liên quan để đến Đài Loan làm việc và các thủ tục khác sau khi tôi nhập cảnh Đài Loan làm việc như: xin cấp và gia hạn thẻ lao động, xin cấp và gia hạn thẻ cư trú, đưa đi khám sức khoẻ định kỳ, đưa đón sân bay, phục vụ phiên dịch, xin cấp hoặc gia hạn hộ chiếu và các thủ tục liên quan khác. Tôi và chủ cũng đã thoả thuận và đồng ý thanh toán khoản phí dịch vụ theo quy định của Uỷ ban Lao động Viện Hành chính Đài Loan mỗi tháng 1500 Đài tệ, Tổng cộng là 54000 Đài tệ/ hợp đồng 3 năm làm việc tại Đài Loan (1500 Đài tệ/ tháng x 36 tháng) cho công ty môi giới Đài Loan . Khoản tiền này tôi tự nguyện tự mình thanh toán□ chủ sử dụng tự nguyện tự mình thanh toán□, nay làm bản cam kết này làm bằng chứng.

公元_____年　_____月_____　日/ **Ngày_____ tháng_____ năm_____**

切結人/ **Người cam kết**

外籍勞工簽名蓋手印 **Lao động ký tên và lăn dấu vân tay**	台灣雇主簽名蓋印章 **Chủ sử dụng ký tên và đóng dấu**